

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NỘI TIẾT
ĐÔI TƯỢNG Y HỌC CÔ TRUYỀN
CHỌN 1 CÂU PHÙ HỢP-THỜI GIAN : 60 phút

1. Một tác dụng phụ của nhóm thuốc glucocorticoid:
A. Gây mất nước
B. Gây hạ đường huyết
C. Tăng kali máu
D. Loãng xương
2. Một bệnh nhân nữ, 66 tuổi, dùng thuốc giảm đau nhiều năm và đã ngưng dùng từ 2 tuần nay. Bệnh nhân đến khám vì mệt mỏi, chán ăn, buồn nôn. Khám lâm sàng: da mỏng, bầm máu vết chích, teo cơ, khớp gối biến dạng và đau nhẹ và không giới hạn vận động. Chẩn đoán nghĩ đến:
A. Viêm dạ dày
B. Viêm đa khớp dạng thấp
C. Bệnh Cushing
D. Suy thượng thận
3. Chống chỉ định tương đối đối với nhóm thuốc glucocorticoid:
A. Hen phế quản
B. Hạ Natri máu
C. Tâm thần
D. Cường giáp chưa điều trị
4. Một bệnh nhân có tiền căn chẩn đoán suy thượng thận mạn, đang điều trị bằng prednisolone uống mỗi ngày. Bệnh nhân nhập viện trong tình trạng sốt cao, khó thở, phổi có nhiều ran nổ, mạch 110 lần/phút, và huyết áp 80/50 mmHg. Loại thuốc ưu tiên lựa chọn tiêm tĩnh mạch trong trường hợp này:
A. Cortisone
B. Methyl-prednisolone
C. Hydrocortisone
D. Dexamethasone
5. Một bệnh nhân đã được chẩn đoán xác định có hội chứng Cushing nội sinh. Bước tiếp theo để chẩn đoán nguyên nhân hội chứng Cushing:
A. Đo nồng độ cortisol máu lúc nửa đêm
B. Nghiệm pháp ức chế bằng dexamethasone 1 mg qua đêm
C. Đo nồng độ ACTH máu lúc sáng
D. Nghiệm pháp ức chế bằng dexamethasone liều thấp
6. Biểu hiện lâm sàng khi dùng corticoid kéo dài:
A. Da khô
B. Da ẩm ẩm
C. Phù niêm
D. Da mỏng
7. Bệnh nhân nam, 70 tuổi, được chẩn đoán ĐTĐ típ 2, THA đã 7 năm, hút thuốc lá 25 gói/năm. Bệnh nhân thỉnh thoảng khó thở và đau ngực trái khi gắng sức. Gần đây, bệnh nhân thường đau 2 bắp chân khi đi bộ khoảng 500 m, dừng lại nghỉ thì giảm đau. Hai bàn chân thường cảm giác châm chích, kiến bò về đêm. Khi khám, bệnh nhân này nên được:
A. Đo chức năng hô hấp
B. Đo tỉ số ABI
C. Chụp DSA mạch máu hai chi dưới
D. Đo điện cơ
8. Câu nào sau đây không đúng về bệnh thận do ĐTĐ?
A. Bệnh thường tiến triển sau 10-20 năm mắc bệnh ĐTĐ
B. Bệnh có đặc điểm là bài xuất albumin nước tiểu bình thường
C. Bệnh thường kèm theo bệnh vồng mạc do ĐTĐ
D. Bệnh làm tăng nguy cơ tim mạch
9. Đặc điểm bệnh mạch vành ở bệnh nhân ĐTĐ: Chọn câu đúng
A. Nguy cơ bệnh nhân nam bị bệnh mạch vành gấp đôi bệnh nhân nữ
B. Bệnh có triệu chứng lâm sàng rất điển hình với cơn đau thắt ngực

C. Tổn thương nhiều nhánh mạch vành với sang thương lan tỏa, rải rác

D. Men tim thường tăng cao hơn so với những người không bị ĐTD

10. Chọn câu **sai**. Việc tự theo dõi đường huyết tại nhà:

A. Phản ánh chính xác đường huyết

B. Có thể dùng máu tĩnh mạch để thử

C. Bệnh nhân có thể tự chỉnh liều insulin theo mức đường huyết thử tại nhà

D. Không cần thử đường huyết tại nhà khi HbA_{1c} đã đạt mục tiêu

11. Hướng dẫn bệnh nhân chăm sóc chân. Lời khuyên nào **đúng**?

A. Nên ngâm chân mỗi ngày với nước ấm có pha tinh dầu

B. Chỉ đi chân trần khi ở nhà

C. Ngưng hút thuốc lá

D. Thoa kem dưỡng ẩm giữa các ngón để ngừa khô da.

12. Người bình thường trong tình trạng đói, quá trình tân sinh đường chiếm bao nhiêu phần trăm trong sản xuất glucose ở gan:

A. 5 - 10%

B. 20 - 25%

C. 30 - 35%

D. 40 - 45%

13. Bệnh nhân nam 35 tuổi, được chẩn đoán là hạ đường huyết do thuốc. Triệu chứng nào sau đây **không** phù hợp với hạ đường huyết:

A. Đỏ mồm hôi

B. Tụt huyết áp

C. Hồi hộp

D. Tim nhanh

14. Khi bị hạ đường huyết, trong cơ thể gan sản xuất ra glucose, sự ly giải glycogen chiếm bao nhiêu phần trăm:

A. 30 - 40%

B. 50 - 60%

C. 70 - 80%

D. 90 - 100%

15. Bệnh nhân nữ 45 tuổi được chẩn đoán là hạ đường huyết phản ứng sau ăn trên đái tháo đường típ 2. Đặc điểm nào sau

đây **KHÔNG PHÙ HỢP** với chẩn đoán trên:

A. Giai đoạn sớm đái tháo đường

B. Hạ đường huyết muộn sau ăn

C. Do dùng thuốc sulfonylurea

D. Tăng tiết nhiều insulin và muộn sau ăn nhiều carbohydrate

16. Bệnh nhân nam 54 tuổi, nhập viện vì hôn mê hạ đường huyết. Tiền căn đái tháo đường típ 2 đang dùng thuốc sulfonylurea. Tình huống nào sau đây phù hợp nhất đối với bệnh nhân:

A. Đường huyết 35 mg/dL và insulin máu giảm

B. Đường huyết 35 mg/dL và insulin máu tăng

C. Đường huyết 70 mg/dL và insulin máu tăng

D. Đường huyết 70 mg/dL và insulin máu giảm

17. Bệnh nhân nam 40 tuổi, được chẩn đoán nghi ngờ suy thượng thận, để chẩn đoán cần làm xét nghiệm chẩn đoán sau:

A. Nghiệm pháp kích thích bằng ACTH

B. Nghiệm pháp kích thích bằng Dexamethasone

C. Nghiệm pháp ức chế bằng ACTH

D. Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethasone

18. Bệnh nhân nam 65 tuổi được chẩn đoán là hạ đường huyết do bướu ngoài tuyến. Về lý do gây hạ đường huyết, câu nào sau đây là **KHÔNG ĐÚNG**:

A. Bướu ngoài tuyến tăng tiết IGF-2

B. Tăng tiết insulin

C. Di căn tới thượng thận

D. Bướu tăng tiêu thụ glucose

19. Bệnh nhân nam 32 tuổi, nhập viện vì lơ mơ, đo đường huyết tại giường là 30 mg/dL, không có tiền căn dùng thuốc, không uống rượu. Biện pháp thích hợp nhất để làm chẩn đoán nguyên nhân hạ đường huyết cho bệnh nhân:

A. Đo đường huyết tĩnh mạch, truyền glucose, sau đó đo insulin

- B. Đo đường huyết tĩnh mạch và đo insulin máu cùng lúc, sau đó truyền glucose
- C. Đo đường huyết tĩnh mạch, truyền glucose, sau đó đo glucagon
- D. Đo đường huyết tĩnh mạch, truyền glucose, sau đó làm ngay MRI tuyến tụy
20. Bệnh nhân nam 52 tuổi, có tiền căn uống rượu bia nhiều năm nay, nhập viện vì hôn mê sau khi tham gia một bữa tiệc rượu. Đường huyết là 45 mg/dL. Câu nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG**:
- A. Nên bù vitamin B
- B. Truyền glucose ưu trương
- C. Nồng độ insulin máu tăng
- D. Cần khám chấn thương sọ não
21. Bệnh nhân đang dùng thuốc sulfonylurea trị đái tháo đường tip 2, bị đói vã mồ hôi, mệt, đo đường huyết 55 mg/dL, vẫn nói chuyện với người nhà được, xử trí nào thích hợp nhất:
- A. Truyền đường glucose 30%
- B. Tiêm bắp thêm glucagon 1mg
- C. Cho uống nửa lon coca thường
- D. Cho ăn bánh mì
22. Câu nào **KHÔNG ĐÚNG** đối với bướu tế bào beta gây hạ đường huyết:
- A. Hạ đường huyết đói
- B. Thường là ác tính
- C. Có thể biểu hiện nhầm bệnh tâm thần
- D. Bướu nhỏ khó phát hiện
23. Bệnh nhân nữ 54 tuổi bị đái tháo đường tip 2 đang dùng insulin, bị hôn mê hạ đường huyết, cần xử trí như sau
- A. Tiêm mạch Glucose 30% 50 ml, duy trì bằng truyền TM Ringer Lactate
- B. Tiêm mạch Glucose 30% 50 ml, duy trì bằng truyền TM glucose 10%
- C. Tiêm mạch glucose 3% và duy trì glucose 10%
- D. Đặt ống thông dạ dày truyền glucose 30%,

24. Hội chứng Cushing do dùng thuốc glucocorticoid có đặc điểm sau
- A. Suy chức năng thượng thận nguyên phát
- B. Cường chức năng thượng thận nguyên phát
- C. Suy tuyến thượng thận thứ phát
- D. Cường chức năng thượng thận thứ phát
25. Mức đường huyết thường gây ra triệu chứng lâm sàng hạ đường huyết của bệnh nhân là:
- A. Nhỏ hơn 100 mg/dL
- B. Nhỏ hơn 90 mg/dL
- C. Nhỏ hơn 80 mg/dL
- D. Nhỏ hơn 70 mg/dL
26. Bệnh nhân nữ 25 tuổi, đang điều trị đái tháo đường bằng insulin, bị triệu chứng vã mồ hôi, đói vào lúc 3 giờ sáng, đường huyết mao mạch là 35 mg/dL. Nếu tại thời điểm này, hormon nào sau đây **KHÔNG** tăng trong máu:
- A. Cortisol
- B. Glucagon
- C. GH
- D. PTH
27. Các thuốc sau đây có thể gây hạ đường huyết, **NGOẠI TRỪ**:
- A. Aspirin ở trẻ em.
- B. Sulfonylurea.
- C. Quinin trên bệnh nhân suy thận.
- D. Paracetamol.
28. Triệu chứng nào sau đây **không** gặp trong bệnh Basedow:
- A. Phù niêm trước xương chày.
- B. Bướu giáp có thể không to.
- C. Lồi mắt.
- D. Táo bón
29. Thời gian điều trị nội khoa trung bình của bệnh Basedow:
- A. 1 - 2 tháng
- B. 3 - 6 tháng
- C. 6 - 9 tháng
- D. 12 - 18 tháng
30. Triệu chứng tim mạch của cường giáp, **CHỌN CÂU SAI**:
- A. Nhịp tim nhanh khi nghỉ
- B. Tiếng T1 mạnh

- C. Hiệu số huyết áp hẹp
D. Âm thổi vùng trước tim.
31. Bệnh nhân nữ, 25 tuổi, đến khám vì sụt cân 4 kg trong 2 tháng, cảm thấy hồi hộp đánh trống ngực, nóng bức, khó ngủ, run tay. Khám thấy lòng bàn tay ẩm, ẩm, mịn; nhịp tim nhanh 104 lần/phút; run tay với biên độ nhỏ, đều và nhanh; cơ kéo cơ mí trên. Bướu giáp độ II, lan tỏa, nghe có âm thổi tâm thu. Chẩn đoán phù hợp nhất đối với bệnh nhân này:
A. Cường giáp.
B. Bướu giáp đơn thuần
C. Basedow
D. Bướu giáp nhân hóa độc
32. Bệnh Basedow: CHỌN MỘT CÂU SAI.
A. Là bệnh lý có cơ chế tự miễn.
B. Có thể đi kèm lồi mắt hoặc phù niêm trước xương chày.
C. FT4 giảm; TSH tăng.
D. Thời gian một đợt điều trị nội khoa nên kéo dài 12 đến 18 tháng.
33. Rối loạn nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** khi khám mắt Basedow:
A. Dấu hiệu Dalrymple là do cơ kéo cơ mí trên
B. Dấu hiệu Lid-lag là do cơ kéo cơ mí trên
C. Dấu hiệu Mobius là do tổn thương cơ mí trên
D. Có thể bị giảm thị lực do tổn thương dây thần kinh thị giác
34. Triệu chứng nào sau đây **không** gặp trong hội chứng cường giáp:
A. Mất ngủ.
B. Da ẩm lạnh.
C. Sụt cân dù ăn nhiều
D. Uống nhiều, tiểu nhiều.
35. Xét nghiệm nào sau đây **không** cần thực hiện trên bệnh nhân Basedow:
A. Chuyển hóa cơ bản.
B. SGPT, SGOT.
C. TSH, FT₄.
D. Công thức máu.
36. Bệnh Basedow (bệnh Graves), chọn một CÂU SAI:

- A. Là một nguyên nhân gây cường giáp thường gặp
B. Hay xảy ra ở phụ nữ lứa tuổi 30 - 50
C. Là bệnh có cơ chế tự miễn.
D. Điều trị hàng đầu là dùng các thuốc ức chế miễn dịch.
37. Thuốc kháng giáp tổng hợp: Chọn câu **ĐÚNG**
A. Qua được nhau và sữa mẹ.
B. Cơ chế chính là ức chế thu nhận iod từ thực phẩm.
C. Tác dụng phụ làm tăng bạch cầu.
D. Thời gian điều trị tấn công là 2-4 tuần.
38. Biểu hiện điện tâm đồ thường gặp trong hội chứng cường giáp:
A. Suy nút xoang.
B. Blocc nhánh trái.
C. Rung nhĩ đáp ứng thất nhanh.
D. Blocc nhĩ thất độ II, III.
39. Tác dụng phụ **không** gặp khi dùng thuốc kháng giáp tổng hợp:
A. Suy thận.
B. Giảm bạch cầu hạt.
C. Viêm khớp.
D. Suy giáp do thuốc
40. Triệu chứng lâm sàng nào chứng tỏ bệnh Basedow có tính chất bệnh tự miễn:
A. Bướu giáp mạch
B. Cơ kéo cơ mí trên
C. Đốm vitiligo
D. Móng tay Plummer
41. Một bệnh nhân bị Lupus ban đỏ hệ thống, được điều trị bằng prednisone từ hơn 4 tuần và đang duy trì 30 mg/ngày. Bệnh nhân cảm thấy khỏe nên tự ý ngưng thuốc. Trong tình huống này, biến cố nguy hiểm có thể xảy ra với bệnh nhân:
A. Hạ đường huyết nặng
B. Suy thận cấp
C. Suy thượng thận cấp
D. Xuất huyết tiêu hóa
42. Triệu chứng nào sau đây thuộc biến chứng thần kinh thực vật do đái tháo đường:

- ☒ Giảm cảm giác rung vỡ xương.
☐ Giảm tiết mồ hôi nửa thân dưới,
tiết mồ hôi nửa thân trên.
☐ Cảm giác tê, kiến bò hai chi dưới
tăng lên về đêm.
☐ Giảm phản xạ gân gót.

43. Thuốc biguanides có thể gây các tác
dụng phụ nguy hiểm nào sau đây:

- A. Tăng áp lực thẩm thấu.
B. Nhiễm acid lactic.
C. Hạ đường huyết
D. Nhiễm ceton.

44. Những xét nghiệm cần làm để đánh giá
và theo dõi bệnh đái tháo đường:

NGOẠI TRỪ

- A. Đo HbA1c định kỳ
B. Đo đạm niệu (hoặc microalbumin
niệu) định kỳ
C. Đo tốc độ dẫn truyền của dây thần
kinh định kỳ
D. Soi đáy mắt định kỳ

45. Bệnh nhân nam 69 tuổi, có tiền căn đái
tháo đường 10 năm. Bệnh nhân đến
khám bệnh vì tiểu gắt buốt. Kết quả
siêu âm cho thấy bệnh nhân có sỏi đài
bể thận trái. Bác sĩ niệu khoa chỉ định
chụp đường niệu có cản quang với
iode. Cần phải chú ý ngưng thuốc nào
sau đây nếu bệnh nhân có dùng:

- A. Biguanide
B. Sulfonyleurea
C. Ức chế men alpha glucosidase
D. Thiazolidine-dione

46. Bệnh nhân nữ 30 tuổi đến khám vì có
tiền căn gia đình mắc bệnh đái tháo
đường týp 2. Bệnh nhân làm thư ký văn
phòng và có lối sống tĩnh tại ít vận
động. Sau khi xét nghiệm, bệnh nhân
được chẩn đoán rối loạn đường huyết
đôi. Kết quả nào sau đây là phù hợp
với chẩn đoán trên:

- A. Đường huyết đói 117 mg%, đường
huyết sau ăn hai giờ 138 mg%
B. Đường huyết đói 124 mg%, đường
huyết sau ăn hai giờ 172 mg%
C. Đường huyết đói 98 mg%. Đường
huyết sau ăn hai giờ 188 mg%

D. Đường huyết đói 122 mg%, đường
huyết sau ăn hai giờ 200 mg%

47. Bệnh nhân nữ 72 tuổi, vừa được chẩn
đoán đái tháo đường một năm trước
nhập viện. Bệnh nhân được điều trị và
theo dõi định kỳ với bác sĩ gia đình.
Trước nhập viện hai ngày bệnh nhân bị
cảm nên ăn uống kém, chỉ ăn cháo
nhưng vẫn uống thuốc điều trị đái tháo
đường theo toa bác sĩ. Bệnh nhân nhập
viện lúc 5 giờ sáng vì hôn mê. Đường
huyết mao mạch tại phòng cấp cứu là
40 mg%. Thuốc thuộc nhóm nào sau
đây nhiều khả năng gây ra hạ đường
huyết nặng:

- A. Ức chế men alpa glucosidase
B. Biguanide
C. Thiazolidine-dione
D. Sulfonyleurea

48. Thuốc điều trị đái tháo đường loại nào
sau đây không nằm trong cơ chế bệnh
sinh đái tháo đường:

- A. Ức chế men DPP-4
B. Metformin
C. Ức chế men alpha-glucosidase
D. Ức chế kênh đồng vận thụ thể GLP-
1

49. Dấu hiệu nào sau đây giống nhau giữa
hạ đường huyết và nhồi máu cơ tim
cấp:

- A. Vã mồ hôi lạnh
B. Run tay
C. Hồi hộp đánh trống ngực
D. Đau ngực

50. Thuốc nào sau đây có thể gây đái tháo
đường thứ phát khi sử dụng kéo dài với
liều cao:

- A. Aspirin
B. Lợi tiểu quai
C. Corticoid
D. Hạ huyết áp nhóm ức chế calci

51. Để phòng ngừa chuyển từ tiền đái tháo
đường sang đái tháo đường thực sự trên
những bệnh nhân có cân nặng bình
thường, biện pháp nào sau đây được
chứng minh có hiệu quả nhất:

- A. Dùng Metformin
B. Dùng TZD

- C. Dùng ức chế men alpha glucosidase
D. Dùng thay đổi lối sống đơn thuần

52. Xét nghiệm tìm vi đạm niệu nên được thực hiện trên:

A. Bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có tăng huyết áp

B. Bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có phù

C. Bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có creatinin máu tăng

D. Bệnh nhân đái tháo đường típ 2 mới chẩn đoán

53. Xét nghiệm nào sau đây gợi ý tiểu đạm có thể không phải là biến chứng của bệnh đái tháo đường:

A. Có bạch cầu trong nước tiểu

B. Có hồng cầu trong nước tiểu

C. Có nitrit dương tính

D. Có đường niệu dương tính

54. Kháng thể nào sau đây được cho là đặc trưng cho bệnh Basedow:

A. Anti-TPO

B. TRAb

C. Anti-Tg

D. Anti GAD

55. Trong quản lý bệnh đái tháo đường típ 2, đáy mắt được kiểm tra:

A. Mỗi lần tái khám nếu trước đó bình thường

B. Mỗi 3 tháng một lần nếu trước đó bình thường

C. Mỗi 6 tháng một lần nếu trước đó bình thường

D. Mỗi 12 tháng một lần nếu trước đó bình thường

56. Biến chứng mạch máu lớn trong bệnh đái tháo đường có thể gây ra hậu quả nào sau đây:

A. Phù hoàng điểm

B. Bệnh thận mạn

C. Đột quỵ

D. Rối loạn cương dương

57. Trong tình huống nào sau đây, nên bổ sung thêm khẩu phần đạm cho bệnh nhân đái tháo đường:

A. Suy thận cấp

B. Phẫu thuật

C. Suy tim

D. Xơ gan còn bù

58. Bệnh nhân đái tháo đường típ 2 khi đi tập thể dục cần mang theo:

A. 1 lít nước

B. 1 chai sữa nước dành cho người đái tháo đường

C. Vài viên kẹo

D. Một thanh sô cô la đen

59. Trong cơn hạ đường huyết, hormone nào tiết ra muộn nhất:

A. GH

B. Adrenalin

C. Glucagon

D. Cortisol

60. Bệnh nhân nữ 60 tuổi đến khám vì bệnh đái tháo đường phát hiện một năm trước. Bệnh nhân có thói quen ăn chế độ có nhiều tinh bột. Thuốc nào sau đây là phù hợp trên bệnh nhân này theo thói quen ăn uống:

A. Biguanide

B. Ức chế DPP-4

C. Thiazolidine dione

D. Ức chế men alpha-glucosidase

61. Bệnh nhân nữ 55 tuổi, có BMI 30, được chẩn đoán đái tháo đường và tăng huyết áp bốn năm. Bệnh nhân được chỉ định dùng nhóm thuốc ức chế SGLT-2, xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu sẽ cho thấy:

A. Tổng phân tích nước tiểu có nitrit dương tính

B. Tổng phân tích nước tiểu có đường niệu dương tính

C. Tổng phân tích nước tiểu có đạm niệu dương tính

D. Tổng phân tích nước tiểu có hồng cầu, bạch cầu dương tính

62. Ngoài insulin, thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây được dùng bằng đường tiêm dưới da:

A. Ức chế men alpha glucosidase

B. Đồng vận thụ thể GLP-1

C. Ức chế men DPP-4

D. Ức chế SGLT-2

63. Hai loại thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây có cùng nguồn gốc thực vật:

- C
- A. Sulfonylurea và glinide
 - B. ~~Ức chế men DPP-4 và ức chế men alpha-glucosidase~~
 - C. Metformin và ức chế SGLUT-2
 - D. ~~Ức chế DPP-4 và đồng vận GLP-1~~

64. Nguyên cơ nào tương đồng giữa hội chứng Cushing do dùng corticoid kéo dài và hội chứng cường giáp:

- B
- A. Viêm loét dạ dày
 - B. Loãng xương
 - C. Tăng huyết áp
 - D. ~~Hội chứng chuyển hóa~~

65. Trong các nhóm thuốc điều trị đái tháo đường dưới đây, nhóm thuốc nào gây tiêu chảy thẩm thấu:

- B
- A. Sulfonylurea
 - B. Biguanide
 - C. ~~Ức chế alpha glucosidase~~
 - D. ~~Ức chế DPP-4~~

66. Tác dụng phụ buồn nôn hay gặp nhất ở nhóm thuốc nào sau đây:

- B
- A. Sulfonylurea
 - B. ~~Ức chế alpha glucosidase~~
 - C. ~~Ức chế DPP-4~~
 - D. ~~Đồng vận thụ thể GLP-1~~

67. Triệu chứng vã mồ hôi, tay chân lạnh trong hạ đường huyết là do tác động của hormone nào sau đây:

- A
- A. Adrenalin
 - B. Cortisol
 - C. GH
 - D. ~~Glucagon~~

68. Thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây gây bất lợi nhất khi bệnh nhân có suy tim:

- A
- A. Thiazolidine dione
 - B. ~~Biguanide~~
 - C. ~~Sulfonylurea~~
 - D. ~~Ức chế SGLUT-2~~

69. Bệnh nhân thường đi tiểu nhiều hơn khi dùng nhóm thuốc nào sau đây để điều trị bệnh đái tháo đường:

- D
- A. ~~Đồng vận thụ thể GLP-1~~
 - B. ~~Ức chế DPP-4~~
 - C. ~~Biguanide~~
 - D. ~~Ức chế SGLUT-2~~

70. Bệnh nhân nữ 35 tuổi được giới thiệu đến khám vì nghi ngờ hội chứng

Cushing. Xét nghiệm nào sau đây không thuộc nhóm tầm soát:

- C
- A. Cortisol nước bọt qua đêm
 - B. Cortisol nước tiểu 24 giờ
 - C. ~~ACTH~~
 - D. Test ức chế dexamethasone qua đêm 1mg

71. Thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây có nguồn gốc từ động vật:

- D
- A. ~~Ức chế men alpha glucosidase~~
 - B. ~~Biguanide~~
 - C. ~~Ức chế men DPP-4~~
 - D. ~~Đồng vận thụ thể GLP-1~~

72. Hai thuốc điều trị đái tháo đường nào sau đây đều dựa trên cùng một hiệu ứng:

- B
- A. Sulfonylurea và Metformine
 - B. ~~Ức chế men DPP-4 và đồng vận thụ thể GLP-1~~
 - C. ~~Ức chế men DPP-4 và ức chế SGLUT-2~~
 - D. ~~Ức chế men alpha glicosidase và ức chế DPP-4~~

73. GLP-1 được tiết ra từ:

- A
- A. Ruột non
 - B. Ruột già
 - C. Tụy
 - D. Dạ dày

74. Trong các nhóm thuốc điều trị đái tháo đường sau đây, hai nhóm thuốc nào có cùng cơ chế kích thích tế bào beta tụy tiết insulin

- A
- A. ~~Sulfonylurea, ức chế men DPP-4~~
 - B. ~~Biguanide, đồng vận GLP-1~~
 - C. ~~Ức chế alpha glucosidase, ức chế men DPP-4~~
 - D. ~~Ức chế SGLUT-2, glitazone~~

75. Trong các nhóm thuốc điều trị đái tháo đường sau đây, nhóm nào làm tăng nguy cơ nhiễm trùng niệu dục trên phụ nữ:

- C
- A. ~~Sulfonylurea~~
 - B. ~~Ức chế men DPP-4~~
 - C. ~~Ức chế SGLUT-2~~
 - D. ~~Ức chế men alpha glucosidase~~

76. Trong các nhóm thuốc điều trị đái tháo đường sau đây, nhóm nào được xem là có cơ chế tác dụng độc lập với insulin:

- D
- A. Ước chế DPP-4
 - B. Sulfonylurea
 - C. Biguanide
 - D. Ước chế SGLUT-2

77. Để kiểm soát tốt biến chứng mạch máu nhỏ do đái tháo đường, ưu tiên chọn mục tiêu nào sau đây:

- A
- A. HbA1c
 - B. Huyết áp
 - C. Lipid máu
 - D. Đường huyết đói

78. Nhóm thuốc đái tháo đường nào sau đây có cơ chế tác động trong nhân tế bào:

- A. Biguanide
- B. Glitazone

- C
- C. Sulfonylurea
 - D. Ước chế DPP-4

79. Trong bệnh Basedow, triệu chứng nào ít gặp nhất ở người Á châu da vàng:

- A. Bướu giáp lan tỏa
- B. Lồi mắt
- C. Phù niêm trước xương chày
- D. Liệt hai chi dưới do hạ kali máu

80. Triệu chứng tăng cân nghịch thường có thể gặp ở bệnh nhân Basedow lứa tuổi nào:

- A. Phụ nữ độ tuổi sinh sản
 - B. Phụ nữ tuổi mãn kinh
 - C. Phụ nữ cao tuổi
 - D. Nữ độ tuổi dậy thì
- D

HẾT